



MÃY Ý KIẾN VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ĐOÀN HỒNG NHUNG

Ngày 1 tháng 11 năm 1995, Bộ trưởng Bộ tài chính đã ký Quyết định số 1141 TC.QĐ/ĐKT ban hành hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp, trong đó có hệ thống báo cáo tài chính với 4 biểu báo cáo:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Trong 4 biểu báo cáo trên, nhà nước tạm thời chưa quy định báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo bắt buộc phải lập và gửi đến những nơi nhận báo cáo như cơ quan tài chính, thuế, thống kê .v.v... nhưng khuyến khích các doanh nghiệp lập và sử dụng báo cáo này. Đây là một biểu báo cáo mới mà hệ thống báo cáo tài chính trước đây của ta chưa có. Chắc hẳn vì vậy nên để trở thành một báo cáo chính thức, bắt buộc, còn cần một thời gian nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng kinh nghiệm của các nước đã áp dụng.

Cũng vẫn theo quy định trong chế độ thì có 2 phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ là phương pháp gián tiếp và phương pháp trực tiếp. Dưới đây là hai mẫu biểu theo 2 phương pháp:

Lưu chuyển tiền tệ (Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD			
Lợi tức trước thuế	01		
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02		
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ do bán tài sản cố định	04		
- Lãi, lỗ về đánh giá lại tài sản và chuyển đổi tiền tệ	05		
- Lãi do đầu tư vào các đơn vị khác	06		
- Thu lãi tiền gửi	07		
Lợi tức kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	10		
- Tăng giảm các khoản phải thu	11		
- Tăng giảm hàng tồn kho	12		
- Tăng giảm các khoản phải trả	13		
- Tiền thu từ các khoản khác	14		
- Tiền chi cho các khoản khác	15		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		
II. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21		
Tiền thu lãi từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	22		
Tiền thu do bán tài sản cố định	23		
Tiền đầu tư vào đơn vị khác	24		
Tiền mua tài sản cố định	25		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu do đi vay	31		
Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32		
Tiền thu từ lãi tiền gửi	33		
Tiền đã trả nợ vay	34		
Tiền đã hoàn vốn các chủ sở hữu	35		
Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		
Tiền tồn đầu kỳ	60		
Tiền tồn cuối kỳ	70		

Lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng	01		
2. Tiền thu từ các khoản nợ phải thu	02		
3. Tiền thu từ các khoản khác	03		
4. Tiền đã trả người bán	04		
5. Tiền đã trả công nhân viên	05		
6. Tiền đã nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	06		
7. Tiền đã trả cho các khoản nợ phải trả khác	07		
8. Tiền đã trả cho các khoản khác	08		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi của các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21		
2. Tiền thu lãi các khoản đầu tư vào đơn vị khác	22		
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23		
4. Tiền đầu tư vào đơn vị khác	24		
5. Tiền mua tài sản cố định	25		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do đi vay	31		
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32		
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33		
4. Tiền đã trả nợ vay	34		
5. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35		
6. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		
Tiền tồn đầu kỳ	60		
Tiền tồn cuối kỳ	70		

Theo phương pháp trực tiếp, người ta kê các khoản tiền đã thu, các khoản tiền đã chi trả, từ đó tính ra lưu

chuyển tiền thuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tức chênh lệch giữa tổng số tiền thu với tổng số tiền chi (mã số 20).

Theo phương pháp gián tiếp, cũng để tính ra chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lại xuất phát từ lợi tức trước thuế, cộng thêm các khoản đã ghi vào chi phí, làm giảm lợi tức, nhưng không chi ra trong kỳ (khấu hao tài sản cố định, các khoản dự phòng - mã số 02 và 03), sau đó cộng thêm số giảm của nợ phải thu, số giảm của hàng tồn kho, số tăng của nợ phải trả (hoặc ngược lại) và cộng trừ số tiền thu, chi khác (mã số 11 đến 15) (còn các dòng mã số 04 đến 07 chỉ là để loại trừ các khoản lãi, lỗ không phải từ hoạt động sản xuất kinh doanh ra khỏi lợi tức trước thuế).

Qua nội dung và phương pháp lập báo cáo như trên, chúng tôi xin nêu một vài nhận xét và ý kiến sau đây:

1. Lưu chuyển tiền tệ cần phải hiểu là dòng chảy của tiền; gồm dòng chảy vào (thu, tăng) và dòng chảy ra (chi, giảm) chứ không phải chỉ là chênh lệch giữa tổng tiền tăng và giảm, tức chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuận. Chỉ có như vậy mới phù hợp với bản chất của báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được nêu trong phần "Nội dung và phương pháp lập báo tài chính" của hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp đã được ban hành theo Quyết định 1141 TC/QĐ/ĐKT là: Lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

2. Khi đã quan niệm báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải phản ánh dòng tiền hay luồng tiền thì dù hai mẫu biểu trên, bằng hai con đường, đều tính ra chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuận, nhưng chỉ mẫu biểu lập theo phương pháp trực tiếp mới phù hợp với quan niệm này.

3. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp, thực ra cũng chỉ "gián tiếp" một nửa, vì hai chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động đầu tư và lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động tài chính (mã số 30 và 40) lại được tính theo phương pháp trực tiếp, tức là kê trực tiếp các khoản thu, các khoản chi và bù trừ để tính ra hai chỉ tiêu này.

4. Có thể nói, so sánh hai biểu mẫu thì biểu mẫu báo cáo theo phương pháp trực tiếp giàu thông tin hơn. Nó trình bày dòng tiền vào, dòng tiền ra theo từng khoản, đúng như bản thân sự vật, cho thấy quy mô, độ lớn của lượng tiền thu vào, chi ra, qua đó người đọc báo cáo thấy được mức độ hoạt động của doanh nghiệp. Trong khi đó, biểu mẫu báo cáo theo phương pháp gián tiếp chỉ thể hiện chênh lệch giữa lượng tiền thu vào và chi ra nên không

có được tác dụng này. Cùng chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuận là 1 tỷ đồng, nhưng tổng thu 10 tỷ, tổng chi 9 tỷ thì sẽ khác với trường hợp tổng thu 4 tỷ, tổng chi 3 tỷ mà những số liệu này chỉ được cung cấp bởi báo cáo theo phương pháp trực tiếp.

Cũng có thể có ý kiến cho rằng, lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp sẽ mất thời gian hơn nếu lập theo phương pháp gián tiếp vì phải phân loại lại toàn bộ các khoản thu, chi theo từng nguyên nhân, từng mục đích thu, chi. Nhưng thực ra, nhược điểm này có thể khắc phục bằng cách chi tiết hóa thêm một bước hệ thống sổ sách hoặc bằng sự trợ giúp hữu hiệu của máy vi tính.

5. Khác với báo cáo theo phương pháp trực tiếp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp lại xuất phát từ lợi tức để tính toán nên nó cho thấy quan hệ giữa lợi tức và lưu chuyển tiền thuận. Đồng thời qua báo cáo này còn có thể đánh giá được tình hình (khả năng) thu nợ và trả nợ của doanh nghiệp qua số liệu ở các dòng mã số 11, 13: tăng giảm của nợ phải thu, tăng giảm của nợ phải trả (cuối kỳ so với đầu kỳ) điều mà báo cáo theo phương pháp trực tiếp không có được. Tuy nhiên cũng cần phải thấy rằng, tình hình thu nợ, trả nợ biết được qua những số liệu này cũng chỉ rất tương đối. Rõ ràng là cùng



chênh lệch tăng nợ phải thu 200 triệu, nhưng số phải thu 1 tỷ, đã thu 800 triệu khác với trường hợp số phải thu 300 triệu, đã thu 100 triệu.

Những điều cần bản đáng nói ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp là nó ít tiết lộ thông tin. Qua mẫu biểu có thể thấy các chỉ tiêu chính lại chỉ được thể hiện qua số chênh lệch: tăng (giảm) các khoản phải thu, hàng tồn kho, các khoản phải trả...sau đó tính ra tăng (giảm) tiền. Vì vậy, nó không thể cung cấp được một bức tranh về dòng tiền như ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp: tiền thu bán hàng, thu nợ, trả người bán, trả công nhân viên, nộp thuế v.v...

6. Từ những phân tích trên, dẫn đến kết luận:

+ Nếu coi chỉ tiêu lưu chuyển tiền thuận và chỉ coi chỉ tiêu này là đích của báo cáo thì khi báo cáo lưu chuyển tiền tệ trở thành báo cáo bắt buộc, có thể coi cả 2 phương pháp lập đều chấp nhận được, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong hai phương pháp.

+ Nếu coi các chỉ tiêu khác trên hai mẫu biểu đều là những thông tin hữu ích thì nên nghiêng về phương pháp trực tiếp và tùy thuộc theo đối tượng sử dụng thông tin mà quy định cung cấp báo cáo theo phương pháp trực tiếp hay gián tiếp ■

